TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30-6-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Lệ Chi.

2. Bà Trần Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 153/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Phi V, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 19/01 khu phố T, phường B, thành phố A, tỉnh D. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Đông T, sinh năm: 1976; địa chỉ: Số 19/01 khu phố T, phường B, thành phố A, tỉnh D. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 12 năm 2021 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phi V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà V và ông T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1996. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Dĩ An, huyện Thuận An, tỉnh Sông Bé (nay là phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 139/96, quyển số 02 ngày 10/6/1996. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Bà Vxác định hôn nhân giữa bà và ông T phúc được một thời gian đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn

trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Bà Vđã cố gắng hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không mang lại kết quả gì. Nay Bà Vxác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Đông T.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Phạm Nguyễn Thảo N, sinh ngày 15/8/1997 và Phạm Nguyễn Thảo N, sinh ngày 16/8/2003. Hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Vkhông yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Phạm Đông T đã được Tòa án thông báo tham gia tố tụng, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng nhưng ông không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt . Bị đơn đã được Tòa án triệu tập để tham gia phiên tòa vào các ngày 14/6/2022 và ngày 30/6/2022 nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Bà Vvà ông Ttự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Dĩ An, huyện Thuận An, tỉnh Sông Bé (nay là phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 139/96, quyển số 02 ngày 10/6/1996 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Bà Vxác định hôn nhân giữa bà và ông T hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng không thể hàn gắn được nên Bà V yêu cầu được ly hôn với ông T .

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh, trước khi thụ lý vụ án Bà V và ông T không ai có đơn đề nghị hòa giải tại cơ sở là phù hợp với lời khai của nguyên đơn.

[2.4] Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc. Bà V xác định quan hệ hôn nhân của vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, phát sinh trong thời gian dài không hàn gắn được. Ông T đã được Tòa án triệu tập làm việc và tham gia hòa giải nhưng đều vắng mặt, không cung cấp lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Như vậy chứng tỏ mâu thuẫn giữa Bà V và ông T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Bà V yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Bà V khai, quá trình chung sống vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Phạm Nguyễn Thảo N, sinh ngày 15/8/1997 và Phạm Nguyễn Thảo N, sinh ngày 16/8/2003. Hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà V không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vphải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và các Điều 227, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phi V đối với ông Phạm Đông T về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phi V được ly hôn với ông Phạm Đông T. [Giấy chứng nhận kết hôn số 139/96, quyển số 02 do Ủy ban nhân dân thị trấn Dĩ An, huyện Thuận An, tỉnh Sông Bé (nay là phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương) cấp ngày 10/6/1996].

- Về con chung: 02 (hai) cháu Phạm Nguyễn Thảo N, sinh ngày 15/8/1997 và Phạm Nguyễn Thảo N, sinh ngày 16/8/2003 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Nguyễn Thị Phi V không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Phi V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003580, ngày 15/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp pháp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

Nguyễn Viết Nam